



Nghiên cứu  
Trao đổi

## NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG TRONG Ý THỨC THỂ LOẠI KÝ TỪ 1986 ĐẾN NAY

◆ PGS.TS. PHẠM QUANG LONG

1. Sự nở rộ của hồi ký, tự truyện từ Đổi Mới và yêu cầu thay đổi nhận thức về thể loại

*a. Sự thay đổi các điều kiện văn hóa lịch sử và sự nở rộ của hồi ký, tự truyện như một yêu cầu thay đổi của giới cầm bút.*

Còn nhớ những năm 80 của thế kỷ trước, Nguyễn Minh Châu đã từng than thở: dường như sách vở viết về chiến tranh rất nhiều nhưng một cuộc chiến đích thực với tất cả những bề mặt, chiều sâu, góc khuất của nó chưa thấy xuất hiện hay đúng hơn là nó xuất hiện nhưng chưa làm cho cả những người đã đi qua cuộc chiến ấy hay những người chỉ biết về cuộc chiến qua các tác phẩm không thấy hài lòng. Người ta chờ đợi ở những cuốn hồi ký của những người trong cuộc với hy vọng chắc họ sẽ kể được, kể hết những gì đã xảy ra trong chiến tranh với ý nghĩ ký sẽ ghi lại những chuyện đã qua thật 100% chứ không như tiểu thuyết hay truyện đã bị cái phần hư cấu, tưởng tượng lấn lướt đi cái phần sự thực ít nhiều. Rồi hồi ký của các tướng lĩnh xuất bản nhiều nhưng đọc các cuốn sách ấy, không chỉ có nhà văn mà hầu như tất cả những

người đọc đều có chung một nhận định: những chiến công và tầm vóc của nó được những người trong cuộc khẳng định nhưng toàn bộ cuộc chiến lớn hoặc nhỏ, phạm vi cả cuộc chiến hoặc tầm vóc của một chiến dịch vẫn cứ còn tồn tại ở phía đâu đó, phía sau, bên ngoài những gì đã được nói tới. Về cái sự vênh lệch này, nhà văn Nguyễn Minh Châu khẳng định: cái gốc của vấn đề là ở chỗ kể cả người trong cuộc cũng mới chỉ nói đến những sự kiện ấy, cuộc chiến tranh ấy trong phạm vi của sự kiện chứ làm cho người đọc thấy con người đã đi qua cuộc chiến ấy như thế nào? Mà cái đích văn chương không phải chỉ hướng tới hay dừng lại ở tầm kể việc mà phải ở chỗ dựng lại được những số phận, những con người ở thời điểm ấy, trong hoàn cảnh ấy với tất cả sự đa diện ở đủ các tầng bậc của nó. Và sau những năm này một thời gian, sau khi có chủ trương “cởi trói” cho văn nghệ, Nguyễn Minh Châu và nhiều nhà văn khác đã viết khác trước. Ở bài viết này, chúng tôi chỉ khảo sát thể loại ký, (cụ thể là qua hồi ký và tự truyện) hy vọng từ những đặc trưng của ký, đề xuất một vài vấn đề liên

quan đến những chuyển động trong nhận thức về lý thuyết thể loại xung quanh chuyện sự thật, phản ánh hay tái tạo hiện thực và những thay đổi của hệ hình giá trị trong lý thuyết và trong thực tiễn của thể loại này mà thôi.

### *b. Sự thay đổi của ý thức nghệ thuật về hiện thực, con người*

Các loại sách lý luận văn học (từ điển, chuyên luận, giáo trình, luận án...), tác phẩm ký khi bàn về ký đều cho nguyên tắc tối thượng của thể loại này là kể sự thật. Anh Thơ viết trong *Từ bến sông Thương*: “hồi ký bắt buộc phải viết sự thật một trăm phần trăm” (tr.85). Đối tượng của ký là sự kiện, con người có thực và không chấp nhận bất kỳ một sự hư cấu nào không có trong hồ sơ sự việc hay lý lịch nhân vật. Nhưng, có hàng trăm sự việc liên quan đến một con người, có rất nhiều người có thực liên quan đến một con người được coi là đối tượng để hướng đến của một tác phẩm ký. Vậy, trong số những sự việc ấy, những quan hệ ấy cái nào nói lên được đầy đủ bản chất sự việc, khắc họa rõ nhất số phận con người nhưng lại ẩn khuất đằng sau những sự việc và các quan hệ khác? Tại sao là người viết hồi ký, tự truyện cũng nhiều mà Tô Hoài gần như đến cuối cuộc đời cầm bút của mình vẫn phải đặt ra câu hỏi cho mình, cho nghề và phải dằn vặt rất nhiều để nói ra được sự thật về cuộc sống và con người? “Mỗi lần viết ký là một lần đấu tranh tư tưởng để nói ra sự thật. Sự thật đó nhiều nhà văn cố gắng đạt được nhưng có làm được hay không lại là chuyện khác”<sup>1</sup>. “Không đấu tranh với chính mình chưa chắc đã nói ra được sự thật mà

đôi khi chỉ là một nửa sự thật”<sup>2</sup>. Vậy, cái sự thật của ký là sự thật nào, nó nằm ở đâu mà nhà văn phải vất vả tìm kiếm như thế, phải đấu tranh với chính mình để nhận chân ra nó như thế? Ở đây vừa có vấn đề của góc nhìn, chỗ đứng, vừa có vấn đề của công việc mang tính nghề nghiệp nhưng yếu tố đầu tiên, mang tính quyết định lại nằm ở nhận thức tư tưởng, ở ý thức nghề nghiệp. Vấn đề tưởng cũ mà vẫn mang tính thời sự.

Câu hỏi đầu tiên đặt ra là tại sao sau 1986, ký (hồi ký và tự truyện) xuất hiện nhiều? Tướng lĩnh viết hồi ký chiến trận, nhà văn viết hồi ký chuyện mình, chuyện bạn, chuyện nghề, nhân vật của công chúng cũng viết hồi ký về cuộc đời họ... Dường như có một sự thôi thúc nào đó ở hai loại tác giả sau muốn nói về một vùng hiện thực nào đó mà trước đó còn ít được nói đến, đến những nhu cầu được nói ra quan niệm của mình về nhiều vấn đề xã hội có liên quan đến họ. Những lựa chọn, quan niệm của người viết dù kể về bản thân nhưng chúng thể hiện một thái độ sống, một sự lựa chọn, một kiểu quan niệm gắn với một thời. Nếu chỉ nhìn qua sẽ thấy có rất nhiều sự việc mới, quan hệ mới, nhiều thứ trước đó bị né tránh bậy giờ được nói ra, xấu xa có, trái tai gai mắt có, làm cho độc giả bị shock cũng có nhưng đó không phải là cái đích cuối cùng của những trang hồi ký hay tự truyện này. Những điều đó chỉ như những gia giảm làm tăng thêm sự hấp dẫn của ký còn cái chính lại là ở một thái độ tiếp cận thể loại khác trước, tiếp cận sự việc và con người không giống truyền thống, cách kể cũng mang rất nhiều những cái khác trước có thể đem lại những hấp dẫn cho người đọc nhưng đích cuối cùng của

những hồi ký và tự truyện này nhằm hướng tới một sự thật đầy đủ, nguyên vẹn mà trước đây đã chưa được nói tới. Và bắt đầu từ đây mà ký đã mang những phẩm chất khác. Bạn đọc dường như “phát hiện” ra một phẩm chất mới của ký, nó cũng văn chương, hấp dẫn như thứ văn chương đích thực chứ không phải thuộc loại “cận văn chương” mang tính trung gian giữa văn chương và báo chí, cũng giàu tính sáng tạo, cũng thấm đẫm chuyện đời và ở một mức độ khác nữa thì cái sự thực mang tính bản chất của những sự việc, con người có thực lúc này được soi chiếu, mổ xẻ từ những góc nhìn khác nhau dường như hấp dẫn người đọc hơn thứ văn chương thuần hư cấu, tượng tượng lúc này đang có những tàn mạn, chệch choạc, vừa suy tư tượng (chữ dùng của Lê Ngọc Trà), vừa thiếu những nhân vật có sức lay động nhận thức và tình cảm của độc giả. Xu thế dân chủ, chú ý đến đời tư, đến những vấn đề thế sự, đời thường đã mở ra một khoảng không gian sáng tạo mới cho văn chương. Nhu cầu thể hiện sự thật, cái tôi, không khí dân chủ của đời sống như là bối cảnh văn hóa-xã hội cho sự xuất hiện ồ ạt của các loại hồi ký, tự truyện. Trừ một số ít hồi ký của các tướng lĩnh vẫn kể theo lối cũ, tuyệt đại đa số hồi ký, tự truyện xuất hiện từ sau 1986 đã được kể theo tinh thần mới. Nó là một thực tiễn mà từ đó giới nghiên cứu cần có những lý giải mới, điều chỉnh những xác tín trước đây vì đến thời điểm này đã tỏ ra lạc hậu khi áp vào thực trạng sáng tác mới này, kể cả ở những khái niệm rất căn bản, nền tảng của thể loại.

Lướt qua tên gọi của các hồi ký, tự truyện trong vài chục năm qua được chú ý cả trong

giới văn chương lẫn xã hội có thể thấy sự thay đổi của góc nhìn của người kể đã thấy khá rõ. Chỉ cần đọc qua các tên sách *Nhân dân ta rất anh hùng, Từ nhân dân mà ra, Kể chuyện Điện Biên, Đời viết văn của tôi, Bốn mươi năm nói láo, Đại thắng mùa Xuân, Ý nghĩa chiêu hồn, Từ bến sông Thương, Hồi ký song đôi, Kỷ niệm dọc đường văn, Riêng xưa xanh lá, Ba phút sự thật, Cô bé nhìn mưa, Tâm xuân, Cát bụi chân ai, Chiêu chiêu, Nhớ lại một thời, Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương...* đã có thể đi tới kết luận: ký từ chỗ chỉ chuyên chú kể việc, kể những chuyện mang ý nghĩa xã hội, có ý nghĩa bao quát đã chuyển dịch dần sang góc nhìn kể về con người, sự việc của cá nhân với tư cách là một con người cụ thể trong dòng chảy lịch sử, như một chứng nhân về một thời kỳ, được chăm chút hơn, được chú ý hơn, được thể hiện nhiều hơn ở góc nhìn đời tư, thế sự, trong những giải bày, riêng tư mà nếu xét từ sự cần thiết để tạo nên giá trị hiện thực và tư tưởng thì những điều nhỏ, riêng, đậm chất thế sự, đời thường này lại có ưu thế hơn và có phần lấn át những cái to tát, những sự kiện lớn. Nếu nhìn nó từ góc độ các mã tư tưởng, mã nghệ thuật, mã diễn ngôn như người ta hay nói, cũng thấy rất rõ sự dịch chuyển từ những cái nhìn đại cảnh, chỉ thấy đám đông, nhân dân, cộng đồng, lãnh tụ, từ góc nhìn nhân danh những cái lớn lao, cái chung sang góc nhìn của cá nhân mà cá nhân ấy vừa mang ý nghĩa đại diện, vừa là của riêng nó, trong cái riêng ấy thấy cả những yếu tố khác của thời đại, xã hội, những sự kiện lớn nhưng cái chính vẫn là con người cá nhân với những số phận cụ thể đang nghiên ngẫm,

phân tích, đánh giá, thể hiện thái độ của mình trước những điều diễn ra quanh mình, có thể lý giải được, có thể không, có thể đồng tình, cũng có thể phản đối nghĩa là cá nhân con người cũng như hiện thực không còn được nhìn từ một góc độ, một thái độ xã hội, một quan niệm đạo đức, một màu sắc thẩm mỹ nữa mà nó đa diện, đa chiều, đa giá trị, đa nhân cách. Tất cả những cái đó tạo nên một sự đa diện về xã hội và con người, kéo cả hiện thực lẫn văn chương gần với cuộc đời hơn, áp sát vào những cái thường ngày mà có một giai đoạn do những cách nhìn khác, người ta đã gạt nó sang một bên.

#### *b. Những chuyển động về phương thức thể hiện*

Khi hiện thực và con người đã được nhìn nhận đa chiều rồi thì cách kể của ký cũng mang những đặc điểm khác. Người kể trong ký trước 1986 thường được xác định như người thẩm định các sự kiện, lọc lựa những gì cần kể, loại đi những gì mà họ cho là không cần, thường chỉ kể từ một góc nhìn, đơn điệu về màu sắc thẩm mỹ và giọng điệu. Người kể giữ luôn vai trò người đánh giá, phán xét đúng sai, tốt xấu, tích cực, tiêu cực...nên giọng kể đơn điệu, điểm nhìn thường cố định, ngôn ngữ tùy thuộc vào thái độ người kể chứ không phụ thuộc nhiều vào bản thân sự việc, con người được kể. Bởi vậy, yếu tố sáng tạo, vai trò của nghệ thuật kể chuyện ít được thể hiện. Trong các hồi ký hoặc tự truyện viết sau 1986 đã có một sự thay đổi rất căn bản. Người kể chuyện không giữ vai trò phán xét giản đơn như trước nữa hoặc dù có thể hiện sự đánh giá của mình cũng không chỉ từ một góc

nhìn (thường in đậm dấu ấn chính trị-xã hội, đạo đức) mà đa diện, sinh động, đa màu sắc tư tưởng, thâm mĩ hơn. Điểm nhìn thay đổi liên tục. Đôi khi, người kể còn để cho người được kể trong tác phẩm cũng bộc lộ thái độ của mình, cũng kể về mình, về người, cũng bày tỏ thái độ. Cứ nhìn vào hồi ký của Tô Hoài, Bùi Ngọc Tấn, Ma Văn Kháng, Đặng Thị Hạnh, Đặng Anh Đào... sẽ thấy rất rõ điều này. Khi kể về mình hay về chân dung bạn bè, đồng nghiệp, các nhà văn này đã không tự kể về mình từ một điểm nhìn, từ một thái độ mà phụ thuộc vào tình huống, câu chuyện, những đúng sai của mình, của người khác để vẽ lại thời ấy, chuyện ấy từ nhiều góc nhìn, từ nhiều thái độ. Người kể chuyện vừa kể về họ, vừa tạo ra những tình huống để họ tự kể về bản thân, làm cho con người được kể ấy trở nên sinh động hơn, đa màu sắc hơn, gần với chính họ trong cuộc đời hơn. Nghĩa là trong hồi ký và tự truyện sau 1986 thể hiện rõ hơn xu hướng đối thoại giữa người kể với thế giới của những điều được kể, đem lại cho người đọc một cái nhìn đa chiều, dân chủ và gần với đời sống hơn.

Trong hồi ký và tự truyện sau 1986 chất truyện đậm nét hơn ở nhiều cái mới được các tác giả đưa vào trong tác phẩm của mình. Có thể nói chưa bao giờ sự giao thoa giữa ký với truyện, ký với tiểu thuyết lại rõ nét như thế, trong tường thuật, kể chuyện thật lại đậm chất truyện (được hiểu như lối viết văn sáng tạo) như vậy. Ở đây chưa nói đến những yếu tố mang tính chất hư cấu, sáng tạo thêm ở những chi tiết, yếu tố ít có điều kiện kiểm định như tâm trạng người kể, người được nói đến mà chỉ nói đến những yếu tố có thể kiểm định độ chân thực

như người kể, sự việc, thời gian, bối cảnh xã hội... nhưng ký thời kỳ này vẫn tạo ra chất tiểu thuyết, chất truyện đậm nét hơn trước nhiều. Cái tôi người kể chuyện được soi từ nhiều góc nhìn hơn, bức tranh xã hội được tái hiện từ nhiều bình diện, tầng bậc hơn, những chi tiết bộc lộ con người thật từ nhiều quan hệ chẳng chịt, sự vật được nói đến từ sự phân tích, mổ xẻ của tư duy tiểu thuyết, nó làm cho cái thế giới bên trong, đằng sau những con người hồ sơ, những sự kiện chết được sống dậy. Hiện thực con người trong tác phẩm ký trước đây được nhìn nhận như những việc và người đã kết thúc, nó thuộc về thời đã qua nhưng trong ký sau 1986 lại được xem xét gần với tư duy của tiểu thuyết theo cách nói của M.Bakhtin, nó là một phần của hiện thực đang tiếp diễn, chưa hoàn kết, chưa đông cứng lại và người viết hồi ký đang xem xét nó, đối thoại với nó, giải thích và cắt nghĩa nó như một hiện thực còn chưa phải đã kết thúc, chưa phải đã được đánh giá, giải quyết xong xuôi mà là đang trong quá trình nhận thức, đang vận động. Và người kể rất ý thức được điều mình đang kể: họ kể với người đọc như về sự việc và những con người cùng thời với người đọc, để cho người đọc cùng tham gia đánh giá về những điều họ kể. Ý thức đối thoại trong ký giai đoạn này rất đậm nét trên tất cả mọi phương diện và người kể chuyện không áp đặt cách nhận thức con người, sự vật ở họ cho độc giả. Ý thức nghệ thuật về đối tượng thay đổi căn bản đã dẫn đến những thay đổi trong nghệ thuật thể hiện và rõ ràng từ thực tiễn này đòi hỏi phải có những điều chỉnh về mặt lý thuyết thể loại.

*c. Tự biểu hiện và đánh giá hiện thực, hồi ký và tự truyện đã mang những cảm quan lý thuyết mới về mặt thể loại*

Về câu chữ, các nhà nghiên cứu và cả những người viết hồi ký hay tự truyện vẫn nói đến các khái niệm sự thực, tính khách quan về những sự thực lịch sử và coi đó như yêu cầu đầu tiên về mặt nhận thức thể loại. Minh Luận, trong bài *Viết nhật ký, hồi ký... và hai mặt đen trắng* cho rằng cũng nhằm nói sự thật nhưng mục đích của người viết hồi ký, nhật ký rất khác nhau. "Có người viết để tái hiện một thời đại với lịch sử và những nhân vật của thời đại đó. Có người viết để suy ngẫm hay độc thoại với chính mình. Có người viết như một sự sám hối, một sự tự kiểm điểm những cũng có người viết để tôn vinh cá nhân hoặc trả thù một hay những người khác"<sup>3</sup>. Như vậy, sự thực chỉ có một nhưng góc tiếp cận sự thực đã rất khác nhau rồi. Người ta chọn cách tiếp cận sự thực thế nào thì những lý giải về hiện thực sẽ bị khúc xạ theo góc nhìn ấy. Về bản chất, điều này không khác những nguyên lý của văn chương nói chung đã được phát hiện và đúc kết từ xa xưa. Ở đây, loại bỏ những động cơ cá nhân ra, chỉ tập trung vào mục đích "viết về sự thực" đã thấy có nhiều điều cần được lý giải cận kẽ hơn. Vậy, cái gọi là yêu cầu khách quan, cuộc đấu tranh để lựa chọn và nói ra được như Tô Hoài đã được dẫn đến ở trên lại phụ thuộc vào điểm nhìn của người kể. Cái khách quan đã bị (hay được) cái chủ quan của người kể tác động vào, làm cho bị khúc xạ đi, phụ thuộc vào chủ quan người kể. Và đây là điểm đột phá dẫn đến những đổi thay của ký sau 1986 trên nhiều phương diện. Đây là cái gốc của vấn đề vì từ quan

niệm về nghệ thuật, con người, hiện thực ở người kể, sẽ dẫn đến những hệ tiêu chí, hệ giá trị cả trong những đánh giá lẫn phương thức thể hiện mà ở đó cảm hứng về hiện thực, con người sẽ quy định giọng điệu của người kể. Bối cảnh văn hóa-xã hội những năm đổi mới đã tác động đến người kể, làm cho họ phải lựa chọn một góc nhìn mới phù hợp hơn. Như vậy, cái chủ quan của người kể, mặt khác lại cũng bị những yêu cầu khách quan điều chỉnh nhận thức và tình cảm của họ, giúp cho họ vừa phát hiện thêm ra những phẩm chất mới của đời sống, vừa phát hiện ra cả chính mình. Hai điều này cộng hưởng với nhau, tạo ra những tiền đề cho ký những năm sau đổi mới thay đổi.

Nhận thức được những yêu cầu phải thay đổi cũng như trên thực tế, ký sau 1986 đã có những thay đổi nhưng đó là trên thực tiễn còn về mặt lý thuyết chưa được nghiên cứu, tổng kết thành những vấn đề lý thuyết. Nguyễn Minh Châu phác thảo yêu cầu phải thay đổi trong cách viết để làm cho rõ con người và những số phận cá nhân của họ, qua những con người cá thể để thấy được thời đại chứ không phải ở những sự kiện và nếu chỉ dừng lại ở chỗ kể việc người viết cũng chưa động được đến chiều sâu của đời sống. Ông mới chỉ nêu ra đường hướng còn cách viết thế nào, ông lại lựa chọn truyện ngắn. Những bản thảo của ông suốt mấy chục năm sau này được tập hợp in trong *Di cảo* cũng vẫn là những bản thảo, những câu hỏi về việc viết sao cho đừng giả tạo, đừng minh họa, đừng giản đơn. Không ít người dị ứng với khái niệm phản ánh hiện thực và diễn giải nó theo cách hiểu đơn giản về một hiện thực như xưa nay đã được hiểu

như những khuôn mẫu, mô hình chứ không nhìn nó như vẫn tồn tại một cách đa diện, đa chiều, phong phú và phức tạp. Về phía người viết lại chỉ quen và thừa nhận một cách viết với cách nhìn xơ cứng, cách bức, đơn giản, chủ quan và cũng chỉ tuân thủ theo những nguyên tắc đơn giản của lối diễn hình hóa quen thuộc, chọn những hiện tượng tiêu biểu cho những phẩm chất mang tính phổ quát, chỉ chấp nhận cái quy luật (giản đơn, hình thức) mà bỏ qua mất những cái cá thể, đặc thù, vẫn mang tính phổ quát của loại nhưng nhiều khi cái phổ biến ấy lại bị che lấp bởi những cái râu ria, không quan trọng, không nổi bật nhưng nó đặc biệt quan trọng để định hình nhân vật, đóng đinh nó vào nhận thức của con người vì nó nói lên được bản chất thời đại bằng quy luật của văn chương. Ký giai đoạn này đã thay đổi gần như từ gốc rễ những tiêu chí về tính khách quan, sự thực, tính điển hình, cách kể, ngôi kể, đem tính đối thoại trên mọi phương diện đối lập với cái độc thoại của tư tưởng, phương thức thể hiện như ở giai đoạn trước khiến cho ký mang một khuôn mặt khác trước, phẩm chất khác trước. Ký trở nên hấp dẫn, sinh động cả trong cách lựa chọn đối tượng, vấn đề, giọng điệu, kết cấu, ngôn ngữ, không thời gian của câu chuyện. Và bao trùm lên tất cả là tính chất chưa hoàn kết của hiện thực, cảm hứng của tiểu thuyết đậm nét trong hầu hết các tác phẩm ký giai đoạn này.

## **2. Sự pha trộn về thể loại và yêu cầu phải xác lập hệ giá trị mới về thể loại**

Không ai nghi ngờ gì về những pha trộn thể loại trong ký như một xu hướng hiện

nay. Việc thu nhận vào trong mỗi thể loại những yếu tố thuộc về thể loại khác vốn là một điều thường xuyên xảy ra nhưng đó là nói về phương diện lý thuyết còn trong thực tiễn, ký trước 1986 ít dung nạp những yếu tố của truyện, ít thể hiện tính truyện trong thực tiễn thể loại. Yếu tố chủ quan trong ký trước 1986 đậm nhưng chất chủ quan trong ký thời kỳ ấy khác rất xa với yếu tố chủ quan trong ký ở giai đoạn sau 1986. Trước 1986, dường như người kể chuyện thể hiện tính toàn tri đậm nét, chủ động trong tổ chức mạch kể, giọng điệu và lựa chọn hoặc loại bỏ những yếu tố này hay khác không phải theo logic của sự kể, đời sống mà theo logic của mã tư tưởng đã xác định. Ví như tư tưởng chỉ đạo của *Nhân dân ta rất anh hùng* hay *Đường Bác Hồ đi cứu nước* là làm nổi bật vai trò của Đảng, lãnh tụ, nhân dân ở những thời khắc lịch sử thì chất sử thi sẽ chi phối toàn bộ mạch kể, cảm hứng chung của tác phẩm và dường như không có không gian dành cho những chuyện đời tư, những chuyện cá nhân. “Sự thật cho đám đông” “sự thật những điều đã đã trở thành lịch sử” trở thành nguyên tắc vàng chi phối tất cả. Giống như chính sử, một khi đã được viết ra thì được mặc nhiên coi đó như chân lý. Cảm hứng ca ngợi, khẳng định sẽ loại bỏ đi tất cả những chi tiết, sự việc, con người nào nằm ngoài hoặc làm phương hại cho cảm hứng ấy. Hệ quả của các nguyên tắc này là cả cuốn sách là một nguyên khối nhất quán về sự việc, con người. Hồi ký sau 1986 mang tính chất khác. Vẫn là hiện thực của đất nước với những sự việc và con người ấy nhưng được soi chiếu từ góc nhìn khác, giống như dã sử và những giai thoại ở ngoài

đời giữ vai trò bổ sung cho những gì đã được ghi trong chính sử, chúng giúp cho người đời hiểu về những điều chính sử đã nói đầy đặn hơn, thấy lịch sử đa diện hơn, nhiều chi lưu hơn chứ không phải chỉ có một dòng chủ đạo như đã được ghi chép trong chính sử. Mọi hiện thực lớn nhỏ ùa vào tác phẩm, đa dạng, đa diện, đa sắc thái thẩm mỹ dưới góc nhìn của người dẫn chuyện, người kể luôn biến đổi, linh hoạt. Người đọc qua những trang viết này hình dung được đầy đủ hơn về một giai đoạn lịch sử, về những vấn đề xã hội, những con người ở thời kỳ đó với tất cả những hạnh phúc, khổ đau, day dứt, thành công, sai lầm... vì người viết hồi ký - người kể chuyện, đã không chọn cho mình một lối kể về lịch sử như nhìn vào một giai đoạn đã khép lại, đã phân định xong mọi tốt, xấu, đúng sai... mà như đang kể về một hiện thực đang diễn ra dưới những góc nhìn khác nhau. Chỉ đến giai đoạn này các hồi ký, tự truyện mới giúp cho nhiều góc khuất của đời sống, nhiều sự việc đã qua sáng tỏ không phải từ góc nhìn phê phán hay bào chữa khi kể lại lịch sử mà chỉ ra cho người đọc thấy cái thời ấy nó đã diễn ra trong một bối cảnh như thế, với những ứng xử như thế và người đọc sẽ nhận chân được những “lối không ngờ” mà lịch sử đã đi qua. Rõ ràng các khái niệm sự thực, phản ánh hiện thực, đánh giá hiện thực, khách thể thẩm mỹ và chủ thể thẩm mỹ cần được bổ sung thêm nhưng nội dung mới. Cũng như vậy các khái niệm hư cấu trong ký, người kể chuyện, giọng điệu, tính chân thực của ký... cũng cần được bổ sung thêm những yếu tố mới hoặc nói cho chính xác hơn là cần điều

chính cách hiểu về thể loại cho gần với thực tiễn thể loại hơn. Trước đây, người ta ít nói tới vai trò sáng tạo chủ quan trong ký vì đã mặc nhiên quy định họ “chỉ kể về sự thật”, “sự thật tuyệt đối”. Trong ký giai đoạn sau 1986, các tác giả cũng kể sự thật, cũng là sự thật tuyệt đối, thậm chí, cái sự thật ấy nó còn thật hơn ở chỗ nó được nhìn từ nhiều góc độ hơn, nó tái hiện cụ thể và làm cho người không cùng thời hiểu về cái thời đã qua gần với thực tế hơn vì được tiếp cận với con người từ những số phận cá nhân-chúng nhân, cá nhân-sản phẩm của thời kỳ ấy cụ thể và lịch sử hơn. Sự chân thực của ký vì vậy tăng độ tin cậy và hấp dẫn hơn. Cũng như xem phim dã sử, lịch sử ở đây được dựng lại gần với đời sống hơn. Tác phẩm hồi ký về chiến tranh gần đây nhất *Mùa chinh chiến ấy* của Đoàn Tuấn viết về cuộc chiến tranh ở Campuchia là một cuốn sách như vậy. Đoàn Tuấn kể về chiến tranh từ những góc nhìn và trải nghiệm của những binh nhì, một cán bộ cấp trung đoàn, một anh hùng, một công dân bình thường... nên cái hiện thực khốc liệt ấy nó ám ảnh, dữ dội vì nó được nhìn từ mỗi góc chiến hào, từ trong một trận đánh, một thất bại, một sai lầm, một phút yếu lòng... nghĩa là người kể nhìn về cuộc chiến tranh ấy qua mỗi số phận, đào sâu vào hiện thực ấy chứ không chỉ nhìn ở tầm vóc của những chiến dịch, những sự kiện. Hai cách kể này bổ sung cho nhau nhưng rõ ràng ở cách kể thứ hai, kể về những chuyện bên lề, những điều không quan trọng nhưng lại làm cho hiện thực ấy trở nên sống động và ám ảnh. Nói như Nguyễn Minh Châu, Đoàn Tuấn kể về con người bước vào và ra khỏi chiến tranh với

tất cả những góc ngách của nó chứ không kể về kết quả cuộc chiến. Ở kết quả, người ta chỉ thấy con số, không thấy được tâm thế của người vào trận. Hồi ký của Đoàn Tuấn hấp dẫn như tiểu thuyết, đầy ắp chi tiết, tình huống chiến trận mà những tác phẩm hư cấu khó mà dựng lại được như vậy. Kết cấu của cuốn sách này cũng mang dáng dấp của một cuốn tiểu thuyết.

Từ những điều đã trình bày ở trên, thiết nghĩ đã đến lúc cần xác lập một hệ thống lý thuyết mới về thể loại ký, trong đó cần bổ sung thêm những nội dung mới, điều chỉnh những nhận thức cũ về lý thuyết thể loại, nhân vật, vai trò của sáng tạo chủ quan của người viết ký, hiện thực với tư cách là đối tượng của ký... Những ranh giới về tiểu loại (chân dung, ghi chép, tự truyện, hồi ký...) cũng cần được xác định rõ hơn. Nhưng, lại còn một bản khoản khác: những ranh giới ấy, rốt cuộc cũng chỉ có tính chất tương đối vì ký cũng đang vận động, biến đổi. Cái hay của ký nằm ở sự việc, con người, những điều mới mẻ, chưa ai biết với tư cách là đối tượng hay ở cách kể, ở điểm nhìn của người kể về đối tượng? Rõ ràng sức sống của ký ở ngay đối tượng nhưng lại cũng phụ thuộc rất nhiều vào người viết. Thế là vấn đề lại trở lại từ đầu, từ thời Aristote bàn về nghệ thuật. ■

### Chú thích:

<sup>1</sup> Trả lời phỏng vấn báo *Lao Động*. Trích theo Tạp chí *Văn học*, số 3, tr. 35-39.

<sup>2</sup> Trích theo *Từ điển tác phẩm văn xuôi Việt Nam*, tập 3, Giáo dục Hà Nội.

<sup>3</sup> [pp//pda.vietbao.vn/Văn\\_hóa/Viet-hoi-ky-va-hai-mat-den-trang](http://pda.vietbao.vn/Văn_hóa/Viet-hoi-ky-va-hai-mat-den-trang).